

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 65/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số 302/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 117/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2025

của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
I	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
1.1	Chủ tịch Hội đồng		1.200	900
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng		800	600
1.3	Thư ký khoa học		240	180
1.4	Thư ký hành chính		240	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự		160	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	420
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
3.1	Chủ tịch Hội đồng		560	420
3.2	Phó chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng		400	300
II	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
1.1	Chủ tịch Hội đồng		1.440	1.080
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng		1.200	900
1.3	Thư ký khoa học		240	180
1.4	Thư ký hành chính		240	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự		160	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	420
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	600

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
III	Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	420
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240	180
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	120
IV	Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác theo quy định; Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.			
1	Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, Hội đồng đánh giá (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá)		Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh
2	Chi họp Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá)	Hội đồng	50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm 1 mục V Điều 2 Nghị quyết này	50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm 1 mục V Điều 2 Nghị quyết này
3	Chi thuê phương tiện đi lại cho hoạt động kiểm tra đánh giá		Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
V	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
1.1	Chủ tịch Hội đồng		1.440	1.080
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng		1.200	900
1.3	Thư ký khoa học		240	180
1.4	Thư ký hành chính		240	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự		160	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	420
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	600
VI	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	900
VII	Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập			
1	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập		Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
2	Chi công tác phí của các chuyên gia tư vấn độc lập được mời tham gia (phụ cấp lưu trú; Phòng ngủ, phương tiện đi lại)		Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh
VIII	Chi hội nghị, hội thảo khoa học diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học công nghệ	Hội thảo		
1	Người chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	1.600	1.200
2	Thư ký hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	400	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/hội thảo	2.400	1.800
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/hội thảo	1.200	900
5	Thành viên tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/Buổi	240	180

Điều 3. Nội dung và mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
I	Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Định mức thù lao chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ (DMcn)	nghìn đồng/tháng	32.000	24.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Đơn vị tính: 1.000 đồng	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
2	Các chức danh khác (Thư ký khoa học; Thành viên chính; Thành viên; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ)	nghìn đồng/tháng	Dự toán thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hướng dẫn Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước	Dự toán thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
II	Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu (các trường hợp được thuê chuyên gia thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN)			
1	Thuê chuyên gia trong nước		Lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV Quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. (không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm	Lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV Quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. (không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Đơn vị tính: 1.000 đồng	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
			vụ khoa học và công nghệ)	vụ khoa học và công nghệ)
2	Thuê chuyên gia ngoài nước		Không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
III	Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định	Nhiệm vụ	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)
IV	Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu	Hội thảo	Theo quy định tại mục VIII, Điều 2, Nghị quyết này	Theo quy định tại mục VIII, Điều 2, Nghị quyết này
V	Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Nhiệm vụ	Thông tư số 109/2016/TT-BTC Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết	Thông tư số 109/2016/TT-BTC Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Đơn vị tính: 1.000 đồng	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
			toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia	toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia
VI	Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ	50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm 1 mục V Điều 2 Nghị quyết này	50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm 1 mục V Điều 2 Nghị quyết này
VII	Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ	4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ)	3% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 180 triệu đồng/nhiệm vụ)

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì tiếp tục áp dụng theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng theo Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp).

Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Những nội dung và mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 65/2024/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

6. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Văn Đạt